TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ DĨ AN** TỈNH BÌNH DƯƠNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 127/2020/HNGĐ-ST
Ngày 28-9-2020
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thắm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Ngọc Diệp;

2. Ông Tô Văn Nhung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tố Anh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An tham gia phiên tòa: Ông Lê Thanh Tùng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 633/2020/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 7 năm 2020 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 145/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị D, sinh năm 1987; thường trú: Thôn 10, xã D, huyện Tr, tỉnh Thanh Hóa; tạm trú: 56 đường X, khu phố Th, phường D, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương. Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Lưu Xuân Kh, sinh năm 1989; thường trú: Xóm 3, xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình: tạm trú: Số 2, Đường 18, khu T, khu phố Nh, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn chị Trần Thị D có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, nhưng theo đơn khởi kiện ngày 26 tháng 6 năm 2020, lời khai trong quá trình tố tụng, chị D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Sau một thời gian tìm hiểu, chị Trần Thị D và anh Lưu Xuân Kh tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình theo giấy chứng nhận kết hôn số 08, Quyển số 01/2009 ngày 28 tháng 02 năm 2009. Việc tìm hiểu, chung sống và kết hôn là tự nguyện và được hai bên gia đình chấp nhận. Sau khi kết hôn vợ chồng sinh sống tại thành phố D, tỉnh Bình Dương. Vợ

chồng chung sống với nhau nhưng không hạnh phúc ngay từ những ngày đầu. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng thường xuyên cãi nhau, luôn bất đồng quan điểm sống, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2014 cho đến nay. Nay chị D xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể tiếp tục, chị D yêu cầu được ly hôn với anh Lưu Xuân Kh.

Về con chung: Qúa trình chung sống chị Trần Thị D và anh Lưu Xuân Kh không có con chung.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản (nợ chung): Chị Trần Thị D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về phía bị đơn anh Lưu Xuân Kh:

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã giao thông báo thụ lý vụ án và yêu cầu anh Lưu Xuân Kh có ý kiến trả lời bằng văn bản đối với các yêu cầu của chị Trần Thị D nhưng anh Lưu Xuân Kh không có ý kiến gì. Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Lưu Xuân Kh đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 22/8/2020 nhưng anh Kh vắng mặt không có lý do; đồng thời cũng không có ý kiến và không cung cấp bất cứ tài liệu, chứng cứ gì thể hiện việc đồng ý hay không đồng ý với các yêu cầu khởi kiện của chị D.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An tham gia phiên tòa:

+ Về tố tụng:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán được phân công thụ lý, giải quyết vụ án đã được thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc chấp hành pháp luật của các đương sự: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

- Ý kiến về việc giải quyết án:

Căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình có cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Thị D.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát, Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An nhận định:

[1] Về việc vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn chị Trần Thị D có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, bị đơn anh Lưu Xuân Kh đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai đến tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt, căn cứ theo Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt chị D và anh Kh.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị D và anh Lưu Xuân Kh có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Quỳnh Châu, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình theo giấy chứng nhận kết hôn số 08, Quyển số 01/2009 ngày 28 tháng 02 năm 2009 nên là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Theo biên bản xác minh về tình trạng hôn nhân tại UBND

phường Dĩ An ngày 31/7/2020 thể hiện: Mâu thuẫn của chị D và anh Kh chính quyền địa phương không rõ, đề nghị Tòa án căn cứ vào quy định pháp luật để xem xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Chị Trần Thị D cho rằng quá trình chung sống anh Lưu Xuân Kh và chị không hạnh phúc ngay từ những ngày đầu, không tìm được tiếng nói chung, thường xuyên cãi nhau. Hơn nữa, chị D và anh Kh đã có thời gian 06 năm sống ly thân nhưng trong khoảng thời gian này cả hai không ngồi lại để nói chuyện với nhau, tìm cách cứu vãn cuộc hôn nhân của hai người. Vì vậy, chị D xác định tình cảm dành cho anh Kh không còn, không thể tiếp tục chung sống với nhau được nên yêu cầu Tòa án không hòa giải đoàn tụ. Riêng anh Lưu Xuân Kh, sau khi Tòa án thụ lý vụ án đã triệu tập anh Kh đến tham gia phiên hòa giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng anh Kh không lên và cũng không có bất kỳ ý kiến gì đối với yêu cầu của nguyên đơn. Như vậy, mâu thuẫn vợ chồng chị D và anh Kh đã thật sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, chị D yêu cầu ly hôn là có căn cứ, phù hợp với quy định của Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận yêu cầu được ly hôn của chị Trần Thị D.

[3] Về con chung: Qúa trình chung sống chị Trần Thị D và anh Lưu Xuân Kh không có con chung.

[4] Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu cầu Toà án giải quyết.

[5] Án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn: Chị Trần Thị D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo quy định của pháp luật.

[6] Ý kiến của Viện kiểm sát phù hợp với quan điểm của Tòa án nên chấp nhận.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trần Thị D phải chịu án phí ly hôn theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, các Điều 228, 338, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 51 và 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị D được ly hôn với anh Lưu Xuân Kh (Giấy chứng nhận kết hôn số 08, Quyển số 01/2009 do Ủy ban nhân dân xã Quỳnh Châu, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình cấp ngày 28 tháng 02 năm 2009).

2. Về con chung: Chị Trần Thị D và anh Lưu Xuân Kh không có con chung.

3. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Trần Thị D phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai

thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0040874 ngày 07 tháng 7 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND thành phố Dĩ An;
- Chi cục THADS thành phố Dĩ An;
- UBND xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình;
- TAND tỉnh Bình Dương;
- Lưu: VP, HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thắm